TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/DS-ST
Ngày: 11/9/2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hồ Thị L.
2. Ông Lê Văn Nh.

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh N – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 118/2019/TLST - DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ Tr, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp BT 2, xã Bình Hòa T, huyện M, tỉnh L.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp BT 1, xã Bình Hòa T, huyện M, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn D, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp BT 1, xã Bình Hòa T, huyện M, tỉnh L.

Bà Tr có mặt, bà V và ông D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ Tr: Bà Trần Thị Mỹ Tr yêu cầu bà Nguyễn Thị Vphải trả cho bà Tr số tiền gốc là 78.000.000 đồng; yêu cầu phải trả một lần.

Đề nghị của bà Nguyễn Thị Vvà ông Trần Văn D: Bà Nguyễn Thị Vvà ông Trần Văn D vắng mặt và không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Trần Thị Mỹ Tr: Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao), giấy biên nhận nợ (bản chính), bản tự khai.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết bà Trần Thị Mỹ Tr trình bày: Ngày 16/8/2016, bà Nguyễn Thị Vcó vay của bà Tr số tiền 78.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy biên nhận, bà Nguyễn Thị Vcó ký vào giấy biên nhận. Bà Tr nhiều lần yêu cầu trả nhưng bà V không trả. Bà Tr khởi kiện yêu cầu bà V và chồng là ông D liên đới trả. Tại phiên tòa, bà Tr xác định chỉ yêu cầu bà V trả, không yêu cầu ông D cùng liên đới trả. Bà Tr đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Bộ luật dân sự. Bà Nguyễn Thị Vvà ông Trần Văn D có địa chỉ tại xã Bình Hòa T, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị Vvà ông Trần Văn D: Bà Nguyễn Thị Vvà ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà V và ông D.

[3]. Về áp dụng pháp luật giải quyết: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Tr và bà V được xác lập vào ngày 16/8/2016 là trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 156 Luật Ban hành văn

bản quy phạm pháp luật năm 2015 áp dụng quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ Tr:

Bà Trần Thị Mỹ Tr khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy biên nhận nợ đề ngày 16/8/2016 và ngày 18/4/2017; bà Nguyễn Thị Vvà ông Trần Văn D không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của bà Tr nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày và tài liệu, chứng cứ của bà Tr cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo nội dung biên nhận nợ đề ngày 16/8/2016 và ngày 18/4/2017 thì bà V có vay của bà Tr số tiền 78.000.000 đồng; biên nhận có chữ ký của bà V mà không có chữ ký của ông D; bà Tr xác định chỉ yêu cầu bà V trả. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr đối với bà Vân, buộc bà V có nghĩa vụ trả cho bà Tr số tiền 78.000.000 đồng.

[5]. Về thời gian trả và cách thức trả: Bà Tr yêu cầu trả một lần, bà V vắng mặt nên xem như các đương sự không thỏa thuận được. Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Vphải chịu số tiền 3.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Trần Thị Mỹ Tr không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trần Thị Mỹ Tr đối với bà Nguyễn Thị V, buộc bà V có nghĩa vụ trả cho bà Tr số tiền 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng).

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Vphải chịu số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Trần Thị Mỹ Tr không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Tr số tiền 1.950.000 đồng (một triệu

chín trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002819 ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm, xử: Về trách nhiệm do chậm nộp các khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L